TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-ST.
Ngày: 15-04-2024.
Về việc: "Tranh chấp kiện đòi tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1, Bà Nguyễn Thị Mai.
2, Bà Đào Thanh Vân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc: "Tranh chấp kiện đòi tiền", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Thôn C, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Cxx, T1 chung cư Intracom Riverside, thôn Ng, xã V, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổ chức sự kiện và Thương mại Q; Địa chỉ trụ sở: Thôn C, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Trần Văn L, sinh năm 1975 - Giám đốc Công ty.

- *Có mặt*: Bà Th.
- *Vắng mặt:* Ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 03 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Th trình bày:

Bà và ông Trần Văn L xây dựng gia đình với nhau từ năm 1994, đến năm 1998 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà riêng ở thôn C, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, do ông L ngoại tình với người khác có con, không quan tâm đến gia đình lại hay ngược đãi bà nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên

xảy ra, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà đã khởi kiện ly hôn đối với ông L đến Toà án.

Trong thời gian Toà án giải quyết vụ án ly hôn năm 2020, do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổ chức sự kiện và Thương mại Q (từ nay gọi tắt là Công ty Q) mà ông L làm Giám đốc có khoản vay tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex (PGBank) chưa thanh toán cả gốc và lãi tính đến ngày 22 tháng 09 năm 2020 là 187.000.000 đồng. Bà phải tự bỏ tiền riêng để trả nợ thay Công ty toàn bộ số tiền này và được Ngân hàng giải chấp tài sản là nhà đất thì Toà án mới chia cho bà hưởng một phần nhà, đất khi ly hôn.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 542/2020/HNGĐ-ST ngày 28/09/2020 của Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 14/2021/HNGĐ-PT ngày 28/01/2021 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội đã xử cho bà và ông L được ly hôn, giải quyết về con chung và chia tài sản chung vợ chồng. Riêng khoản vay tín dụng của Công ty Q tại PGBank do bà trả thay vào ngày 22/09/2020, bà và Công ty sẽ tự thoả thuận giải quyết với nhau nên Toà án ghi nhận, dành lại bằng vụ kiện khác nếu các bên có yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, do Công ty Q không trả tiền cho bà nên bà phải khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty phải trả cho bà khoản tiền trên cùng với lãi suất tính từ ngày 22/09/2020 đến nay theo mức lãi suất của PGBank quy định là 11%/năm, tiền lãi là: 187.000.000đ x 11%/năm x 42 tháng 23 ngày = 73.309.200 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi Công ty Q phải trả số tiền là: 187.000.000đ + 73.309.200đ = 260.309.200đ (Hai trăm sáu mươi triệu, ba trăm linh chín ngàn, hai trăm đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 03 năm 2024, ông Trần Văn L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án trình bày: Công ty Q do ông làm Giám đốc chuyên kinh doanh về tổ chức sự kiện và thiết bị ánh sáng. Năm 2015, Công ty có vay của PGBank số tiền là 200.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh. Năm 2020, khi Toà án giải quyết ly hôn giữa ông và bà Th thì Công ty còn nợ số tiền cả gốc và lãi là 187.000.000 đồng. Việc bà Th tự ý trả cho PGBank số tiền trên với mục đích rút "sổ đỏ" đất về để chia tài sản chung vợ chồng, ông hoàn toàn không biết và không đồng ý.

Nay bà Thu đòi Công ty Q trả khoản tiền trên và tính lãi thì ông không chấp nhận, vì ông đã nhường cho bà Th một phần đất của ông cha trong gia đình ông để lại cho mẹ con bà Th có chỗ ở sau khi ly hôn là đã bao gồm cả khoản tiền trên rồi. Chính vì vậy, khi bà Th làm thủ tục tách thửa diện tích đất được chia, ông đã tạo điều kiện ký hồ sơ mà không gây khó khăn gì. Sau khi có "sổ đỏ" đất, bà Th đã bán được hơn hai tỷ đồng để mua nhà nơi khác ở.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm về việc giải quyết tranh chấp giữa hai bên như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- Đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các thông báo và quyết định tố tụng của Toà án, đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, ông Trần Văn L là người đại diện theo pháp luật của Công ty Q vắng mặt nhưng ông đã có lời khai và đơn xin vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xác định yêu cầu đòi tiền gốc của bà Nguyễn Thanh Th đối với Công ty Q là có căn cứ. Xác định việc bà Th trả nợ thay cho Công ty Q số tiền 187.000.000 đồng tại PGBank là do bà tự trả, có tính chất đơn phương, không có sự thoả thuận, nhất trí của ông L, nên xác định không phải là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự vay tiền nên bà yêu cầu Công ty Q phải trả lãi suất là không phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 116, 117, 118, 119, Điều 466, 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Q có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thanh Th số tiền là 187.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thanh Th đối với Công ty Q.

- Về án phí: Nguyên đơn là bà Th phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu đòi tiền lãi không được chấp nhận. Bị đơn là Công ty Q phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ trả tiền cho bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty Q do ông Trần Văn L làm Giám đốc trả số tiền bà đã trả nợ thay Công ty Q tại PGBank là 187.000.000 đồng cùng với khoản tiền lãi theo PGBank quy định là 11%/năm tính từ ngày 22 tháng 09 năm 2020 đến nay. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp kiện đòi tiền là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn L vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều: 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và dành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu đòi tiền của bà Nguyễn Thanh Th đối với Công ty Q: Tại Toà án, bà Nguyễn Thanh Th và ông Trần Văn L đều có lời khai thống nhất về việc Công ty Qdo ông L làm Giám đốc có khoản vay nợ riêng tại PGBank theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số: 976.760/2015/HĐTD-DN/PGBankTL ngày 23 tháng 09 năm 2015. Tính đến ngày 22 tháng 09 năm 2020 với số tiền chưa thanh toán cả gốc và lãi là 187.000.000 đồng, bà Th đã trả nợ thay Công ty Q cho PGBank toàn bộ số tiền này khi Toà án giải quyết ly hôn giữa bà và ông L.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 542/2020/HNGĐ-ST ngày 28/09/2020 của Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 14/2021/HNGĐ-PT ngày 28/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: *"Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thanh Th không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết số tiền 187.000.000 đồng bà Th đã trả nợ thay cho Công ty Q tại PGBank, dành bằng vụ kiện dân sự khác nếu các bên liên quan có yêu cầu khởi kiện".*

Như vậy, có căn cứ xác định Công ty Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Th khoản tiền trên nhưng đến nay Công ty vẫn chưa trả, dẫn đến tranh chấp giữa hai bên.

Tại các bản án hôn nhân gia đình đã có hiệu lực pháp luật nêu trên, Toà án đã giải quyết chia cho bà Nguyễn Thanh Th được sử dụng diện tích 109,4m^2 đất (Gồm 98,4m^2 đất ở và 20m^2 đất vườn liền kề), có tại thửa số 08, tờ bản đồ số 34, thôn C, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội và sở hữu các tài sản có trên đất được giao, trị giá tổng cộng là 1.934.403.320 đồng. Theo đó, các tài sản trên thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Th và bà có quyền tự định đoạt đối với tài sản của mình, hoàn toàn không liên quan đến khoản nợ của Công ty Q tại PGBank. Việc ông Trần Văn L không chấp nhận trả tiền cho bà Th với lý do như ông khai ở trên là không phù hợp và không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản như sau:

"Điều 163. Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản

1. Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản.

Điều 164. Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản

...

2. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, ...".

Đối chiếu với các quy định nêu trên của pháp luật, bà Th khởi kiện đòi Công ty Quang Lợi trả cho bà 187.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thanh Th đối với Công ty Q: Việc bà Th tự ý trả thay Công ty Q khoản nợ 187.000.000 đồng cho PGBank với mục đích giải chấp tài sản để được Toà án chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hoàn toàn mang tính chất đơn phương, không được xác lập trên cơ sở thoả thuận, đồng ý bằng văn bản của ông L là đại diện hợp pháp của Công ty Q, nghĩa là, giữa hai bên không xác lập với nhau một hợp đồng dân sự về vay tài sản. Tại Toà án, bà Th không giao nộp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà đã từng nhắc nhở, đòi tiền nhưng Công ty Q không trả để xác định Công ty Q phải chịu lãi suất chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với bà.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Hợp đồng vay tài sản và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

"Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay

tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Đối chiếu với các quy định của pháp luật nêu trên, yêu cầu tính lãi suất của bà Th đối với Công ty Q là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1]. Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết thì:

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Th phải nộp án phí tương ứng với số tiền lãi không được Toà án chấp nhận, án phí tính được là: 73.309.200đ x 5% = 3.665.400 đồng.

- Bị đơn là Công ty Q phải nộp án phí tương ứng với nghĩa vụ trả tiền cho bà Thu, án phí tính được là: 187.000.000đ x 5% = 9.350.000 đồng.

[3.2]. Ngày 19 tháng 09 năm 2023, bà Nguyễn Thanh Th đã nộp 5.960.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được trừ 3.665.400 đồng án phí nộp nào ngân sách Nhà nước. Bà Th được nhận lại 2.294.600 đồng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh trả.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát hoàn toàn phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều: 163, 164 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26, Điều 220, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận một phần Đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thanh Th đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổ chức sự kiện và Thương mại Q (gọi tắt là Công ty Q).

2. Buộc Công ty Quang L do ông Trần Văn L đại diện có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thanh Th 187.000.000đ (Một trăm tám mươi bẩy triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh Th đòi Công ty Q trả khoản tiền lãi chậm trả là 73.309.200đ (Bẩy mươi ba triệu, ba trăm linh chín ngàn, hai trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Th phải nộp 3.665.400đ (Ba triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước. Bà Nguyễn Thanh Th đã nộp 5.960.000đ (Năm triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0045389 ngày 19 tháng 09 năm 2023, nay chuyển 3.665.400đ (Ba triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng) thành tiền án phí nộp vào ngân sách Nhà nước. Bà Th được nhận lại 2.294.600đ (Hai triệu, hai trăm chín mươi tư ngàn, sáu trăm đồng), do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trả.

4.2. Bị đơn là Công ty Q phải nộp 9.350.000đ (Chín triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Bà Nguyễn Thanh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Công ty Q do ông Trần Văn L đại diện có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân